

Số: 20/2026/QĐST-VDS

Quảng Trị, ngày 04 tháng 02 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v: “ Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con chung”

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - QUẢNG TRỊ

Với thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Nguyễn Thị Tuyết Minh.

Thư ký phiên họp: Bà Trần Thị Hòa – Thư ký TAND khu vực 1 - Quảng Trị.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Quảng Trị tham gia phiên họp:
Ông Phạm Quý Hùng – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 - Quảng Trị mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số: 119/2025/TLST-VDS ngày 09 tháng 10 năm 2025 về việc “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con chung*” theo Quyết định mở phiên họp số: 28/2026/QĐST – HNGĐ ngày 13 tháng 01 năm 2026, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Chị Lê Thị Thu T, sinh ngày 10/6/1994; CCCD: 044194011551; địa chỉ: Thôn E L, phường Đ, tỉnh Quảng Trị. Chị T có mặt.

- Anh Nguyễn Anh T1, sinh ngày 10/8/1984; CCCD: 044084004264; địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn E L, phường Đ, tỉnh Quảng Trị. Hiện đang cư trú tại: Số E B, C, A 2019, New Zealand. Anh Tuấn vắng mặt, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Theo đơn yêu cầu Công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con chung lập ngày 15/5/2025, chị Lê Thị Thu T và anh Nguyễn Anh T1 thống nhất trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Thu T và anh Nguyễn Anh T1 qua quá trình tìm hiểu, yêu nhau tự nguyện và đi đến đăng ký kết hôn vào ngày 06/02/2017 tại Ủy ban nhân dân xã L, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình (nay là phường Đ, tỉnh Quảng Trị). Việc đăng ký kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc. Quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc; nhưng thời gian gần đây giữa hai vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn: Do bất đồng quan điểm dẫn

đến vợ chồng thường xuyên cãi vã, xúc phạm nhau. Mặc dù anh chị đã cố gắng khắc phục nhưng không có kết quả. Hiện nay, anh chị đã sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Anh Tuấn hiện nay đã đi lao động ở nước ngoài, cả anh T1 và chị T xét thấy tình cảm vợ chồng không còn thương yêu nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên chị T, anh T1 cùng làm đơn kính mong Tòa án nhân dân khu vực 1 - Quảng Trị xem xét giải quyết cho anh chị được công nhận thuận tình ly hôn.

Về nuôi con chung, cấp dưỡng nuôi con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 03 đứa con chung là: Nguyễn Khôi N, sinh ngày: 04/01/2018; cháu Nguyễn Minh K, sinh ngày: 29/01/2021; cháu Nguyễn Anh K1, sinh ngày: 05/12/2022. Anh T1, chị T thống nhất, thỏa thuận sau khi ly hôn giao con chung cháu Anh K1 cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; giao cháu Khôi N, cháu Minh K cho anh Nguyễn Anh T1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Không ai phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung và cũng không nợ ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Quảng Trị:

Đề nghị: Áp dụng Điều 367, Điều 369, Điều 370 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình: Chấp nhận yêu cầu thuận tình ly hôn của chị Lê Thị Thu T và anh Nguyễn Anh T1.

- Về nuôi con chung: Giao con chung cháu Nguyễn Anh K1, sinh ngày: 05/12/2022 cho chị Lê Thị Thu T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; giao cháu Nguyễn Khôi N, sinh ngày: 04/01/2018 và cháu Nguyễn Minh K, sinh ngày: 29/01/2021 cho anh Nguyễn Anh T1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Không ai phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau

- Về chia tài sản chung và nợ chung: Không xem xét.

- Về lệ phí Tòa án: Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội buộc chị T và anh T1 phải chịu 300.000 đồng lệ phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân khu vực 1 - Quảng Trị nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Thẩm quyền giải quyết: Theo đơn yêu cầu Công nhận thuận tình ly hôn của chị Lê Thị Thu T và anh Nguyễn Anh T1 có xác nhận của Đ tại New Zealand thì

đây là việc dân sự có yếu tố nước ngoài nên Tòa án nhân dân khu vực 1 - Quảng Trị thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.1] Tòa án nhân dân khu vực 1 - Quảng Trị nhận được bản tự khai và đơn xin vắng mặt của anh Nguyễn Anh T1 được Đ tại New Zealand; căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 367 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án mở phiên họp vắng mặt những người yêu cầu giải quyết việc dân sự theo thủ tục chung.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Lê Thị Thu T và anh Nguyễn Anh T1 kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn vào ngày 06/02/2017 tại Ủy ban nhân dân xã L, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình (nay là phường Đ, tỉnh Quảng Trị) theo đúng quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn hai vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn: Trong quá trình chung sống hai vợ chồng thường xuyên cãi vã, khiến cuộc hôn nhân trở nên bế tắc, không có sự đồng thuận để xây dựng hạnh phúc, nuôi dạy con cái. Mặc dù hai anh, chị đã cố gắng hàn gắn nói chuyện để khắc phục tình trạng hôn nhân nhưng không có kết quả, gia đình hai bên cũng hòa giải nhưng cũng không thành. Hiện tại anh T1 đang sinh sống và làm việc tại New Zealand, chị T đang sinh sống tại Việt Nam, mỗi người đều có cuộc sống, công việc, mục tiêu phát triển riêng của bản thân. Nay, anh chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài, nên chị T, anh T1 có đơn yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

Xét thấy, mâu thuẫn giữa chị T, anh T1 là trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc thuận tình ly hôn giữa anh T1, chị T là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với pháp luật nên Tòa án căn cứ Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình công nhận cho anh chị thuận tình ly hôn.

[2.2]. Về quan hệ nuôi con chung, cấp dưỡng nuôi con:

Quá trình chung sống chị T, anh T1 có 03 đứa con chung là: Nguyễn Khôi N, sinh ngày: 04/01/2018; cháu Nguyễn Minh K, sinh ngày: 29/01/2021; cháu Nguyễn Anh K1, sinh ngày: 05/12/2022. Anh T1, chị T thống nhất, thỏa thuận sau khi ly hôn giao con chung cháu Anh K1 cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; giao cháu Khôi N, cháu Minh K cho anh Nguyễn Anh T1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Không ai phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Tuy nhiên hiện nay anh T1 đang ở nước ngoài, tại biên bản lấy lời khai ngày 24/12/2024, bà Tạ Thị Hồng N1 mẹ của anh T1 trình bày hiện nay cháu Khôi N và Minh K sống cùng với ông bà nội, để khỏi xáo trộn việc học hành của các cháu nên bà

sẽ thay mặt bố cháu (anh T1) nuôi hai cháu đến khi nào anh T1 về nước sẽ giao lại cho anh T1 nuôi. Vì vậy, giao cháu Nguyễn Anh K1, sinh ngày: 05/12/2022 cho chị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Giao cháu Nguyễn Khôi N, sinh ngày 04/01/2018 và cháu Nguyễn Minh K, sinh ngày 29/01/2021 cho anh T1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu Khôi N xin được ở với bố T1 sau khi bố mẹ ly hôn. Tạm giao các cháu Khôi N, cháu Minh K cho chị T nuôi dưỡng, khi nào anh T1 về Việt Nam chị T sẽ có trách nhiệm giao các con K, Minh K cho anh T1 nuôi dưỡng. Không ai phải đóng góp cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau.

Chị T, anh T1 có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Trường hợp có căn cứ để thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn thì thực hiện theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.3]. Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Chị T, anh T1 trình bày không có và không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét.

[3]. Về lệ phí giải quyết việc dân sự:

Căn cứ Điều 149 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 35, 36 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chị Lê Thị Thu T và anh Nguyễn Anh T1 phải chịu toàn bộ lệ phí giải quyết việc dân sự.

[4]. Về quyền kháng cáo của các đương sự: Các đương sự không có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát không được quyền kháng nghị theo quy định tại Điều 371 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 29, Điều 37, khoản 2 Điều 149, Điều 367; Điều 369, Điều 370, Điều 371, Điều 474, Điều 475 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 55, 81, 82, 83, 84, 123, 127 Luật Hôn nhân và gia đình; các Điều 35, 36 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị Thu T và anh Nguyễn Anh T1.

2. Về quan hệ nuôi con chung, cấp dưỡng nuôi con: Giao cháu Nguyễn Anh K1, sinh ngày: 05/12/2022 cho chị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Giao cháu Nguyễn Khôi N, sinh ngày 04/01/2018 và cháu Nguyễn Minh K, sinh ngày 29/01/2021 cho anh T1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; cũng phù hợp với nguyện

vọng của cháu Khôi N xin được ở với bố T1 sau khi bố mẹ ly hôn. Không ai phải đóng góp cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau.

Chị T, anh T1 có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Trường hợp có căn cứ để thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn thì thực hiện theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình.

3. Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Chị Lê Thị Thu T và anh Nguyễn Anh T1 không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét.

4. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Chị Lê Thị Thu T và anh Nguyễn Anh T1, mỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự, được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí mà chị T, anh T1 đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu: BLTU/25E, số 0000610 ngày 08/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị. Chị T, anh T1 đã nộp đủ lệ phí.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án Dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014.

6. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND KV 1 - Quảng Trị;
- TAND tỉnh Quảng Trị;
- THADS tỉnh Quảng Trị;
- UBND P. Đồng Thuận, tỉnh Quảng Trị,
- Các đương sự;
- Sở tư pháp Quảng Trị;
- Công an P. Đồng Thuận;
- Đảng Công TTĐTTA;
- Lưu HS, toà DS; VP;

THẨM PHÁN – CHỦ TRÌ PHIÊN HỌP

(Đã ký)

Nguyễn Thị Tuyết Minh